

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	77.819	36.942	47
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	723	51	7
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)			
3	Thu bổ sung	77.096	34.096	44
	- Thu bổ sung cân đối	68.518	15.890	23
	- Thu bổ sung có mục tiêu	8.578	18.207	212
4	Thu chuyển nguồn		2.500	
5	Thu kết dư		295	
II	TỔNG SỐ CHI	77.819	33.581	43
1	Chi đầu tư phát triển	500		0
2	Chi thường xuyên	75.238	33.580,9	44,6
3	Dự phòng	2.081		0

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	171.329	77.819	49.407	36.942	29	47
I	Các khoản thu 100%	174	174	68	47	39	27
	Phí, lệ phí	174	174	68	47	39	27
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				-		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				-		
	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	94.059	549	12.448	4	13	1
1	Các khoản thu phân chia	935	46	821	4	88	8
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			3	3		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-			
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-			
	- Lệ phí trước bạ	935	46	818	1	88	2
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	93.124	503	11.626	1	12	0
	Thu GTGT	63.517		4.534		7	
	Thuế thu nhập cá nhân	1.243		96		8	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30		6		19	
	Thu tiền sử dụng đất	5.000	500			-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ DNNN địa phương quản lý	4.000		86		2	
	Thuế tài nguyên	9.120		6.721		74	
	Thu phí lệ phí	531				-	
	Thu khác	9.173	3	184	1	2	26
	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	510				-	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			2.500	2.500		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			295	295		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.096	77.096	34.096	34.096	44	44
	- Thu bổ sung cân đối	68.518	68.518	15.890	15.890	23	23
	- Thu bổ sung có mục tiêu	8.578	8.578	18.207	18.207	212	212

